

Bản án số: 52/2025/DS-PT

Ngày: 13 - 02 - 2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Kim Khánh.

*Các Thẩm phán:*

Ông Y Phi Kbuôr.

Ông Nguyễn Văn Hồng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Việt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 45/2025/TLPT – DS ngày 06 tháng 01 năm 2025, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 285/2024/DS-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2025/QĐ-PT ngày 09/01/2025, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Phan Văn T, địa chỉ: Số F đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk. (vắng mặt)

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Trần Thanh T1 – Sinh năm: 1979, địa chỉ: Số A đường K, phường I, quận C, thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

**- Bị đơn:** Ông Trần Thanh B và bà Nguyễn Hoàng G; địa chỉ: Số E đường N, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk. (vắng mặt)

*Người đại diện theo ủy quyền của ông B, bà G:* Chị Lại Hoàng Như N – Sinh năm: 2002, địa chỉ: Số B đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk. (có mặt)

**Người kháng cáo:** Bị đơn bà Nguyễn Hoàng G.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Do quen biết một thời gian tin tưởng nhau nên ông B đặt vấn đề vay tôi tiền, tôi đã tin tưởng cho ông vay số tiền: 1.200.000.000 đồng hạn trả đến ngày

27/10/2023 phải trả hết. Nhưng đến ngày 02/5/2024 ông B chỉ trả cho tôi số tiền: 300.000.000đồng. Đến nay đã qua thời hạn hoàn trả số tiền còn lại là: 900.000.000đồng cho tôi, tôi đã báo cho ông B nhưng ông vẫn khất lần và muốn kéo dài thời gian trả tiền cho tôi. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật, nay tôi làm đơn này khởi kiện ông Trần Thanh B yêu cầu quý tòa buộc ông Trần Thanh B và vợ là bà Nguyễn Hoàng G trả lại số tiền nợ tôi: 900.000.000 đồng và lãi suất quá hạn theo quy định của pháp luật.

**\* Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Thanh B là bà Lại Hoàng Như N trình bày:**

Ngày 17/5/2023, ông Trần Thanh B có vay ông Phan Văn T số tiền 1.200.000.000 đồng. Ngày 02/5/2024, ông B đã trả trước cho ông T số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) căn cứ vào Giấy nhận nợ ngày 02/5/2024 và ông B cam kết sẽ tích lũy tiền lương hàng tháng để trả dần cho ông T cho đến khi trả hết số nợ 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng) còn lại. Việc ông Trần Thanh B vay ông Phan Văn T số tiền 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng), vợ ông B là bà Nguyễn Hoàng G hoàn toàn không hề hay biết gì. Sau khi Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột thụ lý giải quyết vụ án thì bà G mới được biết về số nợ trên. Mặc dù hoàn cảnh không cho phép, ông B là trụ cột chính trong gia đình phải chăm sóc vợ và 02 con, vợ ông B làm ngành nghề tự do không có thu nhập ổn định, nhưng ông B vẫn đang cố gắng hết sức xoay sở tiền để trả nợ cho ông T. Do đó, ông B mong muốn nguyên đơn cho ông B thêm thời gian để trả số tiền còn lại cho ông Phan Văn T.

**\* Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Hoàng G là bà Lại Hoàng Như N trình bày:**

Ngày 17/5/2023, ông Trần Thanh B có vay ông Phan Văn T số tiền 1.200.000.000đồng. Về số tiền ông B đã vay, bà Nguyễn Hoàng G hoàn toàn không biết về số nợ trên. Sau khi Tòa án gửi thông báo thụ lý vụ án, bà Nguyễn Hoàng G mới được biết chồng – ông Trần Thanh B có đang vay nợ ông Phan Văn T. Hiện tại ông Trần Thanh B là trụ cột chính trong gia đình, bà Nguyễn Hoàng G không có công việc ổn định, nên việc chăm sóc gia đình và nuôi dưỡng 02 người con là do ông B đảm nhận chính. Tại phiên hòa giải, bà G mong muốn ông Phan Văn T cho thêm thời gian để ông B có thể trả được khoản nợ trên.

***Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 285/2024/DS-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, đã quyết định:***

**1. Về điều luật áp dụng:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 116, Điều 117, Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

## **2. Về nội dung:**

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn là ông Phan Văn T.

Buộc ông Trần Thanh B và bà Nguyễn Hoàng G trả cho ông Phan Văn T tổng số tiền là 936.000.000 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 900.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 36.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi suất thi hành án, án phí và tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/10/2024, bị đơn bà Nguyễn Hoàng G có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**Tại phiên tòa phúc thẩm, kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận ngày 17/5/2023, ông Trần Thanh B có vay của ông Phan Văn T số tiền 1.200.000.000 đồng. Đến ngày 02/5/2024, ông B đã trả cho ông T số tiền 300.000.000 đồng. Xét thấy, việc ông B vay tiền của ông T với mục đích phục vụ nhu cầu sinh hoạt gia đình nên cần xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng và vợ chồng cùng có trách nhiệm liên đới trả khoản nợ trên theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Hoàng G là không có căn cứ; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Hoàng G, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Hoàng G làm trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Hoàng G, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, hai bên đương sự đều thừa nhận ngày 17/5/2023, ông Trần Thanh B là chồng của bà Nguyễn Hoàng G có vay ông Phan Văn T số tiền 1.200.000.000 đồng. Ngày 02/5/2024, ông B đã trả cho ông T số tiền 300.000.000 đồng, số tiền còn lại là 900.000.000 đồng ông B chưa trả cho ông T. Như vậy, có đầy đủ căn cứ xác định ông B đang nợ ông T số tiền 900.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Hoàng G kháng cáo cho rằng số tiền 900.000.000 đồng trên là tiền ông B vay với tư cách cá nhân, bà G không biết và không liên quan đến số tiền trên, không có trách nhiệm liên đới trả số tiền mà ông B vay là không có cơ sở. Bởi lẽ, trong quá trình giải quyết vụ án, ông B và bà G đều thừa nhận ông B là lao động chính và trụ cột trong gia đình nuôi 02 con nhỏ. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà G có trình bày và cung cấp tài liệu là Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh từ năm 2015, nhưng đến năm 2024 vì lý sức khỏe nên bà đã nghỉ và ở nhà mở quán cà phê nhưng không có căn cứ xác định thu nhập từ việc kinh doanh cà phê là bao nhiêu, có lợi nhuận hay thua lỗ. Ngoài ra, bà G không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho việc chồng bà là ông B sử dụng số tiền vay với mục đích riêng của ông B.

Như vậy, căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: “*Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này. 2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này*”, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà G phải có nghĩa vụ liên đới cùng với ông B trả số tiền 900.000.000 đồng và với lãi suất theo quy định của pháp luật cho ông T là phù hợp. Tuy nhiên, phần quyết định của bản án sơ thẩm không tuyên vợ chồng ông B, bà G phải chịu trách nhiệm liên đới là thiếu sót, nên cấp phúc thẩm cần phải bổ sung cho đầy đủ.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Hoàng G không có căn cứ để chấp nhận, cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là phù hợp.

**[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm:** Do kháng cáo của bà Nguyễn Hoàng G không được chấp nhận nên bà G phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**[1].** Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Hoàng G; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 285/2024/DS-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

**[2].** Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 116, Điều 117, Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn là ông Phan Văn T.

Buộc ông Trần Thanh B và bà Nguyễn Hoàng G phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho ông Phan Văn T tổng số tiền là 936.000.000 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 900.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 36.000.000 đồng.

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

[2]. Về án phí:

[2.1]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Trần Thanh B và bà Nguyễn Hoàng G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 40.080.000 đồng. Hoàn trả cho ông Phan Văn T số tiền 19.500.000 đồng tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0012952 ngày 12/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Hoàng G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2023/0013758 ngày 14/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tp Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS tp Buôn Ma Thuột;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Kim Khánh**